TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/HNST
Ngày:11/01/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN-TP.CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Lê Thị Tân An

2.Bà Ngô Thị Út Hậu

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn:*** Ông **Võ Thanh B**; trú tại số 217 đường H, khu vực M, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ, có mặt.

-***Bị đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Diệu H**; trú tại số 217 đường H, khu vực M, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất khai:

Anh B và chị H là vợ chồng chung sống từ năm 1990, hôn nhân này là do anh chị quen biết tự nguyện tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới Long ngày 10/12/2002.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh chị là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, cả hai đã cố gắng để duy trì hạnh phúc nhưng không đạt được, vợ chồng đã ly thân từ năm 2014

cho đến nay. Xét thấy hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên anh B có đơn xin ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Anh B yêu cầu ly hôn với chị H. Chị H thì không đồng ý vì muốn duy trì hôn nhân với anh B.

Về con chung: Vợ chồng đều thống nhất khai có 02 con chung tên Võ Nguyễn Thanh P (Nam), sinh ngày 02/8/1992 và Võ Nguyễn Phương D (Nam), sinh ngày: 01/5/1997, hai con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Trước phiên tòa:

-Anh B vẫn giữ yêu cầu được ly hôn; về con chung đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng; về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; về nợ chung, xác định không có.

-Chị H không đồng ý ly hôn vì muốn duy trì cuộc sống hôn nhân; về con chung, tài sản chung và nợ chung thống nhất như lời trình bày của anh B.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Anh Võ Thanh B và chị Nguyễn Thị Diệu H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới Long, thành phố Cần Thơ ngày 10/12/2002, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống anh B, chị H có phát sinh mâu thuẫn và anh B có đơn khởi kiện ly hôn, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]*Về quan hệ hôn nhân*: Xét anh B và chị H chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2002. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh do bất đồng quan điểm sống, không có lòng tin đối với nhau mặc dù vợ chồng đã cố gắng để duy trì hạnh phúc nhưng không đạt được, vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin ly hôn, còn chị H thì cho rằng muốn duy trì cuộc hôn nhân nên không đồng ý ly hôn, nhưng kể từ khi ly thân đến nay giữa anh chị không có biện pháp nào để hàn gắn duy trì hạnh phúc gia đình mà trái lại tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Điều đó chứng minh mẫu thuẫn vợ chồng anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Đối chiếu theo quy định tại

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc ly hôn theo yêu cầu của anh B là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh.

[3]*Về con chung*: Anh B và chị H có 02 con chung tên Võ Nguyễn Thanh P (Nam), sinh ngày 02/8/1992 và Võ Nguyễn Phương D (Nam), sinh ngày: 01/5/1997. Cả hai cháu đều đã trưởng thành, nên anh chị không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]*Về tài sản chung:* Anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đây là sự tự nguyện của đương sự nên không cần đặt ra xem xét.

[5]*Về nợ chung:* Anh B và chị H xác định không có, nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6]*Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Anh B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Thanh B.

-*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Võ Thanh B được ly hôn với chị Nguyễn Thị Diệu H.

-*Về con chung:* Anh B và chị H có 02 con chung tên Võ Nguyễn Thanh P (Nam), sinh ngày 02/8/1992 và Võ Nguyễn Phương D (Nam), sinh ngày: 01/5/1997. Cả hai cháu đều đã trưởng thành, nên không đặt ra giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

-*Về tài sản chung:* Anh B và chị H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp và có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

-*Về nợ chung:* Anh B và chị H xác định không có, nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

-*Về án phí:* Nguyên đơn anh Võ Thanh B phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp theo biên lai thu số 001544 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí.

-*Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TP/CT;
-VKSND – Q.Ô Môn;
-Chi cục THADS- Q.Ô Môn;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Phi Hùng